TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tuấn Anh.

2. Ông Hoàng Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: ông Nguyễn Hữu Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 22/2019/QĐST–DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: bà Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 10B/3, xã G, huyện T, tỉnh Đ.

**Bị đơn*: bà Nguyễn Diễm T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Tấn Tr, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

Ông Tr ủy quyền cho bà T theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019.

(bà H và bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày:*

Ngày 04/9/2017 bà có cho bà Nguyễn Diễm T vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), có viết giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng,

thời hạn trả từ ngày 04/9/2017 đến ngày 15/01/2019. Người làm chứng và bảo lãnh là ông Đặng Tấn Tr (là con trai bà T) ông Tr viết giấy cam kết trả nợ và lãi thay cho bà T nếu bà T không trả nợ được.

Sau khi vay số tiền trên bà T đã thanh toán tiền lãi cho bà nhiều lần, cụ thể: bà T đã chuyển khoản qua ngân hàng cho bà nhiều lần được 7.000.000đ (có bảng kê sổ phụ ngân hàng) và bà T nộp trực tiếp 2.000.000đ, tổng cộng 9.000.000đ tiền lãi và bà T không thanh toán nữa.

Theo khởi kiện bà yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 2%/tháng (24%/năm). Ngày 12/9/2019 bà có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm) với thời gian từ ngày 4/9/2017 đến ngày xét xử và yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ, không yêu cầu ông Tr cùng có trách nhiệm cùng bà T thanh toán số nợ.

Đối với tiền lãi trên nợ lãi và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Số tiền bà cho bà T vay là tiền riêng của bà, bà và ông Mai Đức Huy đã ly hôn. Bà T vay mục đích sử dụng cá nhân của bà T, không liên quan chồng bà T là ông Đặng Đức Trí. Bà không yêu cầu ông Trí cùng với bà T thanh toán số tiền trên.

Bà yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán là nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); tiền lãi là: thời gian tính lãi từ ngày 4/9/2017 đến ngày xét xử (28/11/2019) làm tròn là 26 tháng, mức lãi suất 1.66%. Cụ thể với số tiền: 300.000.000đ x 1.66% x 26 tháng = 129.480.000đ. Trừ đi 9.000.000đ đã thanh toán còn lại là 120.480.000đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng là 420.480.000đ (bốn trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng)

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày.*

Trước đây bà có vay của bà H nhiều lần tiền tổng cộng là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), có thỏa thuận lãi nhưng hiện tại tôi không nhớ cụ thể thỏa thuận lãi bao nhiêu và đã trả được bao nhiêu tiền lãi, chỉ nhớ tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Đến ngày 04/9/2017 bà và bà H có ngồi lại chốt số tiền nợ và có viết giấy vay tiền ngày 04/9/2017 cho bà H. Giấy vay tiền ngày 04/9/2017 bà H cung cấp cho Tòa án thể hiện trong hồ sơ bà xác định do bà là người trực tiếp viết, ký tên và điểm chỉ. Trong giấy vay tiền có ghi số tiền vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả trước ngày 15/01/2019.

Việc ghi số tiền vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) trong đó chỉ có 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là tiền lãi bà H tính từ ngày 04/9/2017 đến ngày trả nợ là ngày 15/01/2019 bà H cộng vào tiền gốc luôn thành 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Sau khi vay bà H số tiền trên bà đã nhiều lần chuyển khoản qua ngân hàng (theo như bảng kê sổ phụ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thống nhất mà bà H cung cấp là đúng) cho bà H tiền lãi được 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và bà thanh toán tiền mặt cho bà H 2.000.000đ (hia triệu đồng).

Tổng cộng 9.000.000đ (chín triệu đồng) tiền lãi.

Do gia đình bà đang vướng chuyện tranh chấp tài sản thừa kế nên bà chưa có tiền thanh toán cho bà H được.

Ông Đặng Tấn Tr là con trai bà có viết giấy cam kết nếu bà không trả được nợ cho bà H thì con trai bà sẽ trả thay cho bà.

Số tiền bà vay của bà H mục đích sử dụng cá nhân, chồng bà là ông Đặng Đức Trí không liên quan, bà không sử dụng số tiền trên vào mục đích gia đình.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà toán số tiền gốc 300.000.000đ(ba trăm triệu đồng)và tiền lãi như trên bà không đồng ý. Vì bà chỉ vay bà H số gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định

Về án phí bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: bị đơn bà Nguyễn Diễm T, sinh năm 1972 cư trú tại ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ nên đơn khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

[2]Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị Ngọc H; bị đơn là bà Nguyễn Diễm T.

Đối với ông Đặng Tấn Tr là con trai bà T. Ông Tr có viết cho bà H giấy cam kết nếu bà T không trả được nợ cho bà H thì ông sẽ trả thay cho bà T. Vì vậy, Tòa án xác định ông Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với ông Mai Đức Huy trước đây là chồng của nguyên đơn bà H, ông Huy và bà H ly hôn với nhau vào ngày 27/4/2018. Số tiền bà H cho bà T vay ngày 04/9/2017 là trong thời kỳ hôn nhân. Bà H trình bày số tiền bà cho bà T vay là tài sản riêng của bà, ông Huy xác nhận số tiền bà H cho bà T vay ngày 04/9/2017 là tiền riêng của bà H. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Huy tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với ông Đặng Đức Trí là chồng của bị đơn bà T. Bà T trình bày số tiền bà vay của bà H mục đích để sử dụng cá nhân, không sử dụng cho mục đích gia đình, ông Trí không biết việc bà vay tiền. Ông Trí xác nhận việc bà T vay

tiền ông không biết, bà T không sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình. Nguyên đơn bà H xác nhận bà T vay tiền của bà để sử dụng mục đích cá nhân, chồng bà T là ông Trí không biết, bà không yêu cầu ông Trí có trách nhiệm cùng bà T trả số tiền vay trên. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Trí tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6]Về nội dung vụ án:

Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của bà T là bị đơn, xác định: Ngày 04/9/2017 bà T là người trực tiếp viết, ký tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền cho bà H. Trong giấy vay tiền có ghi tiền vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả trước ngày 15/01/2019. Quá trình vay bà T đã thanh toán tiền lãi cho bà H được tổng cộng là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Nguyên đơn bà H trình bày số tiền trên là riêng của bà, sau khi hết thời hạn trợ nợ, bà nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền nợ trên nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền trên.

Bị đơn bà T cho rằng việc bà ghi trong giấy vay tiền với số tiền vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), trong đó chỉ có 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền gốc, còn 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là tiền lãi bà H tính từ ngày 04/9/2017 đến ngày 15/01/2019. Số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) bà vay của bà H nhiều lần bà không nhớ rõ bao nhiêu lần, mỗi lần vay bao nhiêu tiền vì không ghi giấy tờ vay và có thỏa thuận lãi nhưng bà không nhớ cụ thể thảo thuận lãi như thế nào và đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành đối chất với giữa bà T và bà H để làm rõ nội dung bà T trình bày nhưng bà T vắng mặt. Tòa án nhiều lần yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến của mình nhưng bà T không cung được cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tiến hành làm việc với bà H nội dung này bà H không chấp nhận lời khai trên của bà T. Ngoài ra, căn cứ vào bảng kê sổ phụ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thống nhất cung cấp thể hiện bà T chuyển khoản trả tiền lãi cho H nhiều lần từ ngày 26/9/2017 đến ngày 08/01/2018 điều này thể hiện việc bà T trình bày số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là tiền lãi bà H tính từ ngày 04/9/2017 đến ngày 15/01/2019 là không có căn cứ.

Do đó, không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng mình lời khai của bà T là đúng sự thật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà T có vay tiền và còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Về lãi suất: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và giấy vay tiền hai bên thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng (24%/năm), ngày 12/9/2019 nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm).

Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm.

Căn cứ điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của hội

đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xác định: Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất cao hơn mức lãi suất, được pháp luật quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.

Như vậy nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm phù hợp quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận, đối với phần vượt quá các bên chưa thực hiện, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về số tiền lãi bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 9.000.000đ (chín triệu đồng) không vượt quá mức lãi suất quy định nên không được trừ vào số tiền nợ gốc.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định tiền lãi là: thời gian tính lãi từ ngày 4/9/2017 đến ngày xét xử 28/11/2019 là 26 tháng 24 ngày (nguyên đơn làm tròn 26 tháng). Cụ thể với số tiền: 300.000.000đ x 1.66% x 26 tháng = 129.480.000đ. Trừ đi 9.000.000đ đã thanh toán còn lại là 120.480.000đ.

Đối với tiền lãi trên nợ lãi và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà T phải thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 120.480.000đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng là 420.480.000đ (bốn trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng)

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà T phải chịu trên tổng số tiền 420.480.000đ (bốn trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) là 20.819.200đ (hai mươi triệu tám trăm mười chín ngàn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 203; Điều 220; Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ngọc H về tranh chấp

“hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Diễm T.

Buộc bà Nguyễn Diễm T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị Ngọc H số tiền nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 120.480.000đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng), tổng cộng là 420.480.000đ (bốn trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Diễm T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Diễm T phải nộp 20.819.200đ (hai mươi triệu tám trăm mười chín ngàn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Vũ Thị Ngọc H tiền tạm ứng án phí là 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002292 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại